TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2019/DS-PT
Ngày 07 - 6 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Châu Việt Thanh

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Huỳnh L, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý H, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964.

2. Bà Lâm Tuyết L, sinh năm 1966.

Cùng cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lâm Tuyết L: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh K: Ông Huỳnh Vũ P, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Ông Phan Văn L (Phan Thành L), sinh năm 1963.

3. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1931.

4. Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1966.

Cùng cư trú tại: Ấp M, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. Nay là: Khóm M, Phường M, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

8. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981.

9. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1983.

Cùng cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

10. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Nguyễn Minh K, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Lý Thị T, sinh năm 1978; cư trú tại: Số X, Khóm B, Phường N, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị T: Ông Lý H, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ông Lý C, sinh năm 1974.

13. Ông Lý K, sinh năm 1984.

Cùng cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp của ông Lý C, ông Lý K: Bà Lê Thị Huỳnh L, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp NT, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng* cáo: Bị đơn ông Nguyễn Minh K.

(Ông Lý H và ông Huỳnh Vũ P có mặt tại phiên tòa;

các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh L là ông Lý H trình bày:

Vào năm 1994, mẹ chồng của bà Lê Thị Huỳnh L là bà Trần Thị H có mua một căn nhà và đất, chiều ngang 05m, dài 16m, máy lợp tol, vách tường của bà Trịnh Thị H với giá 04 chỉ vàng 24K. Nguồn gốc đất này là của ông Nguyễn Văn L (đã chết). Vào năm 1988 ông Nguyễn Văn L bán lại cho bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị H cho con là ông Phan Văn L ở một thời gian rồi bà lấy lại. Sau đó, bà Trịnh Thị H bán lại cho bà Trần Thị H (mẹ ruột ông Lý Mộc T, ông T là chồng của bà Lê Thị Huỳnh L - đã chết) với giá 04 chỉ vàng 24K. Nhưng khi sang bán thì ông Lý Mộc T đứng tên sang bán, hai bên có làm giấy tay, có chữ ký của ông Nguyễn Văn L, bà Trịnh Thị H và ông T và có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau khi sang bán thì vợ chồng bà Lê Thị Huỳnh L là người trực tiếp quản lý và sử dụng nhưng khi nhà nước có chính sách đăng ký quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn L đi đăng ký và ông đã đăng ký luôn phần đất mà ông đã sang bán. Năm 2011, bà Trần Thị H chết bà Lê Thị Huỳnh L cùng với các con vẫn quản lý và sử dụng phần đất này. Sau đó khoảng 07 tháng sau, ông K ngang nhiên đập phá căn nhà của bà Lê Thị Huỳnh L, ngăn cản không cho bà Lê Thị Huỳnh L sử dụng. Nay bà Lê Thị Huỳnh L yêu cầu buộc ông K cùng với vợ là bà Lâm Tuyết L phải trả lại phần đất ngang 05m, dài 16m.

Theo bị đơn ông Nguyễn Minh K và bị đơn bà Lâm Tuyết L trình bày: Nguồn gốc đất này của cha, mẹ ông K là ông Nguyễn Văn L để lại vào năm 1989, trên phần đất này có trước một căn nhà do gia đình ông không có nhu cầu ở nên ông đã cố căn nhà cho ông Phan Văn L với giá 03 chỉ vàng 24K (lúc này ông Nguyễn Văn L còn sống), hai bên thỏa thuận khi nào ông Phan Văn L không ở nữa thì ông K sẽ giao lại 03 chỉ vàng 24K cho ông Phan Văn L, nhưng sau này ông Phan Văn L lại bán cho ông Lý Mộc T (con bà Trần Thị H) mà ông không hề hay biết. Do căn nhà bị hư nên ông lấy lại đất, ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Lê Thị Huỳnh L vì ông chỉ cố căn nhà chứ không bán đất và nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Minh D, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Minh L, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị D trình bày: Đất này là của cha, mẹ các ông bà là ông Nguyễn Cao L và bà Trần Thị B để lại cho ông Nguyễn Minh K nên yêu cầu Tòa án giải quyết giao phần đất này cho ông K quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H trình bày: Vào năm 1988 bà có mua một căn nhà của ông Nguyễn Văn L với giá 03 chỉ vàng

24K. Sau đó bà cho con bà là ông Phan Văn L ở, sau đó ông Phan Văn L không ở nữa nên bà cho con rể là ông Bùi Hữu T ở được vài năm. Sau đó ông Bùi Hữu T không ở nữa, rồi bà kêu ông Nguyễn Văn L sang lại, nhưng ông Nguyễn Văn L không sang nên bà đã sang lại cho bà Trần Thị H (mẹ ông Lý Mộc T) và ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý ký tên nhưng bà không nhớ rõ có sang bán đất hay không.

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L trình bày: Mẹ ông có mua một căn nhà của ông Nguyễn Văn L nhưng khi làm giấy thì ông làm và ký tên với con ông Nguyễn Văn L là ông Nguyễn Minh K còn số vàng 03 chỉ vàng 24K thì mẹ ông đưa cho ông Nguyễn Văn L. Ông có ở căn nhà này một thời gian nhưng sau đó không có nhu cầu ở nữa nên mẹ ông có kêu ông Nguyễn Văn L sang lại nhưng ông Nguyễn Văn L không chịu sang nên mẹ ông sang lại cho bà Trần Thị H (mẹ ông Lý Mộc T), ông Nguyễn Văn L cũng đứng ra đo đất và ký tên vào giấy sang bán.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu T trình bày: Mẹ ông là bà Trịnh Thị H cho ông ở căn nhà trên được khoảng 02 - 03 năm, sau đó ông không ở nữa nên ông đã trả lại cho mẹ của ông.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu là ông Phan Thanh Duy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Qua kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Cao L tại thửa đất số 759, tờ bản đồ số 09. Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14/7/1989 của tổng cục quản lý ruộng đất về việc ban hành quy định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Thông tư 302/TT-ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất về hướng dẫn thi hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Cao L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc Tòa án xem xét, giải quyết thu hồi hay không thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Cao L tại thửa đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu không có ý kiến gì.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết: 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội, Nghị quyết về việc thi hành Luật tố tụng hành chính;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L có nghĩa vụ liên đới giao trả lại phần đất cho bà Lê Thị Huỳnh L qua đo đạc thực tế có diện tích 79,9m^2 được định vị như sau:

** Thửa 1: diện tích 36,1m^2*

- Phía đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía nam giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m;

- Phía bắc giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m.

** Thửa 2: diện tích 43,8m^2*

- Phía đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía nam giáp lộ NA - PL có cạnh dài 5,0m;

- Phía bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 5,0m.

Nằm trong thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09, do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E 0244796 của ông Nguyễn Cao L tại thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09 có diện tích qua đo đạc thực tế là 79,9m^2 (Có tứ cạnh như trên).

Bà Lê Thị Huỳnh L có quyền đến các cơ quan chức năng để tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 79,9m^2 theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh K. Ông K cho rằng chỉ cầm cố nhà, không bán nhà và đất, không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Cao L.

Ông K yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Vũ P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, nghe ý kiến trình bày và tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2017 (bút lục 270 - 271) và Mảnh trích đo địa chính (bút lục 297 - 298) phần đất tranh chấp có diện tích 79,9m^2 đất tọa lạc tại Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo cụ thể như sau:

** Thửa 1: diện tích 36,1m^2*

- Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía Nam giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m;

- Phía Bắc giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m.

Thuộc thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09, do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Thửa 2: diện tích 43,8m^2*

- Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía Nam giáp lộ NA - PL có cạnh dài 5,0m;

- Phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 5,0m.

Thuộc thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09, do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Hội đồng xét xử xét nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự trong vụ án thống nhất nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Cao L (Nguyễn Văn L). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của ông K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Cao L. Vào năm 1988, ông Nguyễn Cao L chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị H. Năm 1994, bà Trịnh Thị H chuyển nhượng lại phần đất này cho bà Trần Thị H (mẹ ông Lý Mộc T), khi chuyển nhượng thì ông Lý Mộc T đứng tên (chồng bà Lê Thị Huỳnh L) với giá 04 chỉ vàng 24K. Việc chuyển nhượng thể hiện tại "Tờ bán nhà" ngày 16/9/1994 với nội dung bà Trịnh Thị H bán cho ông Lý Mộc T căn nhà lợp tol ngang 5m, dài 16m, ông Nguyễn Văn L có ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã NA.

[5] Bà Trịnh Thị H thừa nhận là khi bà bán lại căn nhà cho bà Trần Thị H (mẹ của ông Lý Mộc T) thì bà có thông báo cho ông Nguyễn Văn L chủ căn nhà cũ biết và ông Nguyễn Văn L cũng đồng ý bán lại cho bà Trần Thị H; qua xác minh ông Cù Văn T nguyên là Bí thư Chi bộ Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Cao L tức là ông Nguyễn Văn L, nội dung xác nhận trong Tờ bán nhà là do ông Cù Văn T viết và ký tại nhà ông 2 L (ông Nguyễn Cao L tức ông Nguyễn Văn L), có ông Nguyễn Văn L ký vào mục chủ cũ căn nhà, bà Trịnh Thị H ký ở mục người bán, ông Lý Mộc T ký ở mục người mua và ông Cù Văn T cũng xác định ông Nguyễn Văn L và Nguyễn Cao L là một người (bút lục 87); qua xác minh ông Nguyễn Bá P nguyên là Chủ tịch xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Cao L (tức Nguyễn Văn L) sang lại cho bà Trịnh Thị H nhà và đất. Đến năm 1994, bà Trịnh Thị H bán lại cho ông Lý Mộc T toàn bộ nhà và đất, giữa bà Trịnh Thị H và ông Lý Mộc T có làm "Tờ bán nhà" ngày 16/9/1994 có ông Nguyễn Văn L ký vào mục chủ nhà cũ, có ông Cù Văn T xác nhận. Sau đó, ông Cù Văn T mang giấy này cho ông P xác nhận và ông P cũng xác định ông Nguyễn Cao L và ông Nguyễn Văn L là một người và là cha của ông Nguyễn Minh K (bút lục 88). Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Cao L là một người và việc mua bán nhà đất giữa ông Lý Mộc T với bà Trịnh Thị H và ông Nguyễn Văn L là có xảy ra trên thực tế.

[6] Tại "Tờ bán nhà" ngày 16/9/1994 được chính quyền địa phương xác nhận nên có căn cứ xác định ông Lý Mộc T có nhận chuyển nhượng nhà đất từ bà Trịnh Thị H và có sự đồng ý của ông Nguyễn Cao L. Theo điểm b.2 khoản 2.1 Điều 2 Mục II của Nghị Quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Nếu bên nhận chuyển nhượng đã trả đủ tiền chuyển nhượng đất; bên chuyển nhượng đã giao toàn bộ*

diện tích đất, thì Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất đó". Như vậy, có căn cứ công nhận giao dịch chuyển nhượng nhà đất trên là hợp pháp.

[7] Khi sang bán nhà và đất ông Lý Mộc T chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, tại thời điểm sang bán năm 1994 phần đất của ông Nguyễn Cao L chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông Lý Mộc T không thể tách quyền sử dụng đất theo quy định. Mặt khác, từ khi nhận chuyển nhượng ông Tài, bà Lê Thị Huỳnh L sử dụng nhà đất từ năm 1994 đến năm 2011 thì xảy ra tranh chấp với ông K. Ông K tự ý đập phá nhà và ngăn cản không cho bà Lê Thị Huỳnh L sử dụng, ông K cho rằng chỉ cố căn nhà, nay căn nhà hư thì có trách nhiệm dỡ nhà và trả lại đất cho ông K là không phù hợp. Như vậy, có căn cứ phần đất tranh chấp là của ông Lý Mộc T nhận chuyển của bà Trịnh Thị H và có sự đồng ý của ông Nguyễn Cao L nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K.

[8] Bên cạnh đó, phần đất đang tranh chấp ông Nguyễn Cao L đã ký giấy đồng ý chuyển nhượng cho ông Lý Mộc T vào năm 1994, nhưng vào năm 1996 ông Nguyễn Cao L đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đã kê khai luôn phần đất đã chuyển nhượng và hiện nay phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09 do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0244796. Vì vậy, cần phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0244796 của ông Nguyễn Cao L tại thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09 với diện tích qua đo đạc thực tế là 79,9m^2 như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Bà Lê Thị Huỳnh L có quyền đến các cơ quan chức năng để tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[9] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm: Ngày 07/3/2019, Tòa án nhận được Tờ tường trình của bị đơn ông Nguyễn Minh K và ngày 27/5/2019, Tòa án nhận được Đơn phản tố đề ngày 27/5/2019 của ông Huỳnh Vũ P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh K, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nhiều nội dung. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu phản tố chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết, nếu ông K nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông K bị xâm phạm thì khởi kiện những người xâm phạm quyền và lợi ích của ông K trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, không chấp nhận kháng cáo của ông K là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Về chi phí tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm ông Lý H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Huỳnh L đã nhận lại số tiền 150.000 đồng tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 28/11/2018. Do đó, trong bản án phúc thẩm không phải tuyên về số tiền chi phí tố tụng đương sự đã nhận lại.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K nên ông K phải chịu án phí phúc thẩm, ông K đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được chuyển thu án phí.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội, Nghị quyết về việc thi hành Luật tố tụng hành chính;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh K, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huỳnh L đối với ông Nguyễn Minh K.

Buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L có nghĩa vụ liên đới giao trả lại phần đất cho bà Lê Thị Huỳnh L qua đo đạc thực tế có diện tích 79,9m^2 tọa lạc tại Ấp NP, xã NA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có vị trí và số đo như sau:

** Thửa 1: diện tích 36,1m^2*

- Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 9,0m;

- Phía Nam giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m;

- Phía Bắc giáp phần đất tranh chấp số 2 có cạnh dài 4,0m.

Thuộc thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09, do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Thửa 2: diện tích 43,8m^2*

- Phía Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 16,0m (đã trừ lộ);

- Phía Nam giáp lộ NA- PL có cạnh dài 5,0m;

- Phía Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Minh K có cạnh dài 5,0m.

Thuộc thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09, do ông Nguyễn Cao L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng số E 0244796 của ông Nguyễn Cao L tại thửa đất số 759 tờ bản đồ số 09 có diện tích qua đo đạc thực tế là 79,9m^2 (có vị trí và số đo ở phần 1 nêu trên).

3. Bà Lê Thị Huỳnh L có quyền đến các cơ quan chức năng để tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích 79,9m^2 (có vị trí và số đo ở phần 1 nêu trên) theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng số tiền 1.740.000 đồng, buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L phải chịu toàn bộ số tiền trên. Bà Lê Thị Huỳnh L đã nộp tạm ứng xong và đã chi hết số tiền 1.740.000 đồng nên buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L phải nộp số tiền 1.740.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu để hoàn lại cho bà Lê Thị Huỳnh L.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng; ông K, bà L đã nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.101.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu (trong đó: Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã thu số tiền 901.000 đồng tại Biên lai số 000178 ngày 17/4/2014 và chuyển dự nộp số tiền 200.000 đồng tại Biên lai số 002065 ngày 30/9/2013 (hoàn tạm ứng án phí) sang thu án phí dân sự sơ thẩm) nên được đối trừ án phí 300.000 đồng phải chịu, ông Nguyễn Minh K, bà Lâm Tuyết L được hoàn lại số tiền 801.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bà Lê Thị Huỳnh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lê Thị Huỳnh L được hoàn lại số tiền án phí 200.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 005199 ngày 11/10/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Ông K đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005957 ngày

07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (15 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trương Thanh Dũng